

CÁC BƯỚC CHUYỂN LỚN VỀ TƯ DUY ĐỐI NGOẠI VIỆT NAM TRONG 40 NĂM ĐỔI MỚI

*Dương Văn Quảng**

Tóm tắt

Đổi mới tư duy về đối ngoại xuất phát từ nhận thức lại cách đánh giá, dự báo thế giới và sự vận động của các mối quan hệ quốc tế (QHQT), từ đó định danh và định tính lại các chủ thể của QHQT, xác định lại nội hàm và phương thức triển khai chính sách đối ngoại. Đổi mới tư duy đối ngoại của Việt Nam trong gần 40 năm qua (1986-2025) chủ yếu tập trung vào đổi mới nhận thức trên các khía cạnh như thế giới quan và cách tiếp cận các vấn đề quốc tế, đối tượng và đối tác, hội nhập quốc tế và đối ngoại đa phương, lợi ích quốc gia - dân tộc và quốc phòng, an ninh.

Từ khóa: đổi mới, tư duy đối ngoại, hội nhập quốc tế, Việt Nam.

Mở đầu

Sau gần 40 năm đổi mới (1986-2024), Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn về mọi mặt có ý nghĩa lịch sử, trong đó có những đóng góp quan trọng của công tác đối ngoại, ngoại giao. Đường lối đối ngoại “độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ... là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”¹ là kết tinh của quá trình đổi mới tư duy về đối ngoại với những bước đi thăng trầm và những quyết định táo bạo, quyết đoán. Đổi mới tư duy về đối ngoại luôn là bước song hành, góp phần tạo nên một trong những tiền đề cho chiến lược đổi mới toàn diện, cũng như góp phần tạo dựng mô hình phát triển

* PGS. TS., Học viện Ngoại giao.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1 (Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2021), 161-162.

đất nước phù hợp với hoàn cảnh trong nước và quốc tế trong thời kỳ hội nhập. Cùng với đó, đổi mới tư duy về đối ngoại góp phần đổi mới cách nhìn nhận quan hệ giữa ba lĩnh vực phát triển, quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Đổi mới tư duy về đối ngoại diễn ra liên tục mang tính tiệm tiến, tổng thể. Sự phân chia giai đoạn dưới đây không có nghĩa giới hạn, mà chỉ mang tính gợi mở, đồng thời tạo điều kiện dễ dàng cho cách tiếp cận.

Đổi mới nhận thức về thế giới và cách tiếp cận các vấn đề quốc tế, tái hội nhập vào cộng đồng quốc tế trong giai đoạn 1986-1996

Trong QHQT, đổi mới nhận thức về cách tiếp cận thế giới và các vấn đề quốc tế là bước đột phá mang tính mở đường cho đổi mới tư duy về đối ngoại nói chung, một tiến trình diễn ra không ngừng, tự hoàn thiện và thích ứng với tính chất động của QHQT. Nghị quyết 32 của Bộ Chính trị khóa V (8/7/1986) với những nội dung cơ bản được khẳng định tại Đại hội Đảng lần thứ VI (12/1986) đã đặt cơ sở cho đổi mới tư duy về đối ngoại, với chủ trương ra sức kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại và trước hết nhằm hai mục đích: (i) phá thế cô lập chính trị, cấm vận kinh tế, bình thường hóa quan hệ với các nước láng giềng, các nước lớn, và (ii) thích ứng với tình hình mới. Cũng từ đây, đánh giá, nhận định tình hình quốc tế của Việt Nam bắt đầu có chuyển biến ngày càng sát với thực tế khách quan theo phương châm nhìn thẳng vào sự thật.

Thực tế cho thấy, kể từ năm 1986, Việt Nam đã nhận thấy cần chuyển dần từ đối đầu sang đối thoại, vừa hợp tác, vừa đấu tranh và cùng tồn tại hòa bình giữa các nước. Về kinh tế, thế giới được nhìn nhận là một thị trường mở, nhưng vẫn tồn tại những mâu thuẫn cơ bản của thời đại. “Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực kinh tế có ý nghĩa chính trị ngày càng quan trọng đối với kết cục của cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống,” nhiều vấn đề mới có tính toàn cầu xuất hiện và xu thế chung là “đấu tranh trong

hình thái cùng tồn tại hòa bình.”² Đây là nhận định khách quan, về cơ bản đúng với thực tiễn, không theo lối mòn.

Nghị quyết 13 Bộ Chính trị Khóa VI (5/1988) về “nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới” với chủ đề “giữ vững hòa bình, phát triển kinh tế” là nghị quyết đầu tiên về đối ngoại, tạo ra bước phát triển đột phá về đối mới tư duy đối ngoại và có giá trị định hướng lâu dài cho công tác đối ngoại. Với chính sách “thêm bạn, bớt thù”, nhiệm vụ của đối ngoại là xây dựng các mối quan hệ quốc tế hòa bình, hữu nghị và tin cậy, tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi, làm thất bại âm mưu cô lập chính trị và bao vây kinh tế của các thế lực thù địch. Nghị quyết cũng xác định rõ chủ trương chuyển mạnh hoạt động ngoại giao từ quan hệ chính trị là chủ yếu sang quan hệ chính trị - kinh tế. Kết quả thực hiện Nghị quyết có ý nghĩa cả về an ninh và kinh tế, làm giảm sự chống phá của các thế lực thù địch, khôi phục đối thoại và đi đến cải thiện quan hệ với hai nước lớn là Trung Quốc và Mỹ, đẩy mạnh quan hệ với các nước ASEAN, nối lại quan hệ với nhiều nước khác; từ đó tạo được thế thuận lợi cho việc tái hội nhập quốc tế hoàn toàn và dần dần đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế của Việt Nam trong những giai đoạn tiếp theo.³

Sự kiện Liên Xô tan rã vào tháng 12/1991 và Chiến tranh Lạnh chấm dứt làm đảo lộn những nhận thức về thế giới và những đặc điểm của QHQT vốn được hình thành trong Chiến tranh Lạnh như trật tự thế giới hai cực, bạn - thù, đối đầu ý thức hệ, phương thức hành động trong đối ngoại, cơ sở của tập hợp lực lượng, mô hình phát triển... Tất cả các

² Đảng Cộng sản Việt Nam, “Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V trình tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng,” *Trang thông tin của Thông tấn xã Việt Nam*, 4/8/2020, <https://daihoidang.vn/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-v-trinh-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-vi-cua-dang/459.vnp>.

³ Bộ Ngoại giao, *Ngoại giao Việt Nam 1945-2000* (Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2020), 47.

nước, kể cả các nước lớn đều rơi vào thế lúng túng, bất ngờ cả trong nhận thức và trên thực tế. Các quốc gia đều phải nhận thức lại thế giới và cấu trúc QHQT, xác định lại chiến lược đối ngoại cũng như vị trí của mình trên bàn cờ chính trị thế giới đang được sắp xếp lại. Đứng trước những thách thức to lớn chưa từng đối mặt cả về tư tưởng, chính trị cũng như về kinh tế, Việt Nam cần tỉnh táo, mau chóng thoát khỏi sự hẫng hụt về nhận thức thế giới. Đây là giai đoạn bản lề quyết định sự nhanh chậm, thậm chí sự thành bại của quá trình đổi mới toàn diện cũng như đổi mới tư duy về đối ngoại của Việt Nam.

Hội nghị Trung ương 3, khóa VII tháng 6/1992 đã ra Nghị quyết chuyên đề về công tác đối ngoại, khẳng định tư tưởng chỉ đạo là “vì độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội, đồng thời phải rất sáng tạo, năng động linh hoạt phù hợp với vị trí và hoàn cảnh nước ta, cũng như diễn biến của tình hình thế giới và khu vực, phù hợp với từng đối tượng ta có quan hệ.” Nghị quyết đề ra bốn phương châm xử lý trong hoạt động đối ngoại: (i) bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân; (ii) giữ vững độc lập, tự chủ, tự cường trong khi đẩy mạnh đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại; (iii) nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ với mọi đối tượng; và (iv) tham gia hợp tác khu vực đồng thời mở rộng quan hệ với tất cả các nước.⁴ Nghị quyết đã mở ra quá trình hóa giải tình thế bị bao vây, cấm vận kéo dài hơn chục năm và tái hòa nhập vào cộng đồng quốc tế, tiếp đến đa dạng hóa các mối quan hệ đối ngoại của Việt Nam trong mọi lĩnh vực. Những thành quả đối ngoại đạt được mang ý nghĩa chiến lược, khẳng định tính đúng đắn và hợp quy luật của Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII. Nổi bật nhất là tháng 7/1995 Việt Nam và Mỹ bình thường hóa quan hệ, Việt Nam gia

⁴ Như trên, 349.

nhập ASEAN và ký kết Hiệp định khung về hợp tác (FCA) với Liên minh châu Âu (EU).

Sau 10 năm đổi mới (1986-1996), về cơ bản Việt Nam đã thay đổi nhận thức về thế giới, cách tiếp cận các vấn đề quốc tế, đồng thời đánh giá và dự báo tình hình thế giới sát với thực tế hơn, thích ứng với những thay đổi to lớn xảy ra trên thế giới vào cuối những năm 1980 và đầu những năm 1990. Trong các giai đoạn tiếp theo, Việt Nam tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn nữa nhận thức về thế giới, về phương thức đánh giá những vấn đề quốc tế trên cơ sở những diễn biến mới và những thực tiễn mang tính giai đoạn cụ thể trong QHQT. Từ đó đưa ra những quyết sách táo bạo và sáng tạo về chính sách đối ngoại nói chung và về hội nhập kinh tế quốc tế nói riêng.

Đột phá trong nhận thức về các chủ thể QHQT với quan điểm “đối tác - đối tượng” trong giai đoạn 1996-2010

Sau khi phá vỡ được tình thế bị bao vây, cô lập và cấm vận, mở ra quá trình bình thường hóa và thiết lập quan hệ với các nước, nhất là với các nước lớn, Việt Nam bắt đầu chủ động hội nhập kinh tế, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ, đồng thời thấy rõ tính đan xen về lợi ích trong QHQT, nhất là bản chất vừa hợp tác vừa đấu tranh trong quan hệ với nhiều chủ thể và với từng chủ thể trong từng lĩnh vực hoạt động đối ngoại vì lợi ích quốc gia - dân tộc. Đổi mới nhận thức về thế giới, chủ động hội nhập quốc tế của Việt Nam và sự xuất hiện những nét mới trong cục diện thế giới đã đưa đến sự đột phá trong tư duy về chủ thể QHQT, cụ thể là tư duy về bạn - thù.

Đại hội Đảng lần thứ VIII tháng 6/1996 và Đại hội IX tháng 4/2001 là những tiến triển quan trọng tạo tiền đề cho việc hình thành Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX. Văn kiện Đại hội VIII xác định: “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng

đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.”⁵ Đến Đại hội Đảng lần thứ IX, Việt Nam nhấn mạnh: “kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh, quốc phòng và an ninh với kinh tế trong các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Phối hợp hoạt động quốc phòng và an ninh với hoạt động đối ngoại”; “Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường.”⁶

Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX tháng 8/2003 về “Phương hướng chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới” đã tạo ra bước đột phá trong nhận thức về các chủ thể QHQT, không nhìn nhận theo lăng kính *bạn - thù*, mà là *đối tác - đối tượng*.⁷ Với quan điểm này, mỗi quốc gia đều là bạn, là đối tác của Việt Nam, vừa hợp tác vừa đấu tranh, hợp tác không đi đến liên minh, đấu tranh không dẫn đến đổ vỡ với phương châm “nỗ lực gia tăng điểm đồng, giảm thiểu điểm bất đồng thông qua đối thoại, thương lượng,” không để những khác biệt phá vỡ quan hệ hợp tác cùng có lợi. Mỗi quốc gia, dù lớn hay nhỏ, đều có vai trò trong QHQT, tương xứng với sức mạnh và vị thế của mình. Quan hệ của Việt Nam với các nước được xây dựng theo các cấp độ khác nhau: đặc biệt, chiến lược toàn diện, chiến lược, toàn diện, truyền thống.

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam, “Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng,” *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, 22/2/2017, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-viii/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-vii-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quo-lan-thu-viii-cua-dang-1549>.

⁶ Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-ix/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-viii-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quo-lan-thu-ix-cua-dang-1545>.

⁷ Ban Tư tưởng-Văn hóa Trung ương, *Tài liệu học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, (Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia, 2003), 44.

Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX có thể được nhìn nhận như là một trong những dấu mốc quan trọng nhất trong lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tạo bước ngoặt mang tính đột phá về tư tưởng trong chiến lược bảo vệ và xây dựng đất nước. Từ đây Việt Nam không còn mơ hồ, đắn đo về mối quan hệ hữu cơ giữa quốc phòng - an ninh, phát triển và đối ngoại, theo đó tiêu chí cao nhất để nhìn nhận và phân biệt đối tác - đối tượng là lợi ích quốc gia - dân tộc.

Mười năm sau, Hội nghị Trung ương 8 khóa XI họp vào tháng 10/2013, đã ban hành Nghị quyết số 28-NQ/TW về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”,⁸ khẳng định lại các nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX về “đối tác - đối tượng”. Vấn đề mang tính nguyên tắc vẫn là dựng nước đi đôi với giữ nước, trong mỗi đối tượng vẫn có thể có mặt cần tranh thủ, hợp tác và trong mỗi đối tác vẫn có mặt mâu thuẫn với lợi ích của Việt Nam cần phải đấu tranh. Điểm mới là Việt Nam đã nhận thức toàn diện hơn về “đối tác - đối tượng”. Trên thực tế, Việt Nam đã vận dụng nguyên tắc này trong việc xử lý các vấn đề đặt ra liên quan đến quan hệ với nhiều nước, nhất là với các nước lớn, đặc biệt với Mỹ và các nước phương Tây về vấn đề dân chủ, nhân quyền, chế độ chính trị - xã hội và với Trung Quốc về các vấn đề biên giới, hải đảo, tranh chấp tại Biển Đông.

Như vậy, từ chỗ “thêm bạn, bớt thù” tại Đại hội Đảng lần thứ VI đến tuyên bố “muốn là bạn” tại Đại hội Đảng lần thứ VII, rồi “sẵn sàng là bạn” tại Đại hội Đảng lần thứ VIII, “là bạn và đối tác tin cậy” tại Đại hội Đảng lần thứ IX, và cuối cùng là “thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế” tại Đại hội Đảng lần thứ XI, Việt Nam ngày càng tự

khẳng định mình và có đủ điều kiện để đảm đương những trách nhiệm quốc tế vì lợi ích quốc gia - dân tộc.

Trách nhiệm quốc tế của mỗi quốc gia trong thời kỳ toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế toàn diện bao hàm nội dung ngày càng rộng lớn hơn và cách đảm đương trách nhiệm cũng đa dạng hơn, nhất là đi liền với quá trình xây dựng lòng tin. Trước hết, trách nhiệm với dân tộc mình với nguyên tắc ngoại giao phải phục vụ lợi ích quốc gia - dân tộc trong tổng thể hài hòa với lợi ích của các chủ thể khác. Thứ hai, trách nhiệm thể hiện trong việc tôn trọng và thực hiện các cam kết quốc tế cả song phương và đa phương. Thứ ba, trách nhiệm được đánh giá và thừa nhận qua những đóng góp vào việc bổ sung sửa đổi các quy tắc hoạt động, trong việc xây dựng các chương trình hành động của các thể chế khu vực và quốc tế, cũng như qua mối quan tâm của Việt Nam đến các vấn đề chung của nhân loại. Thứ tư, trách nhiệm gắn liền với uy tín, lòng tin và vị thế mà quốc gia mình tạo dựng được trong cộng đồng quốc tế, thông qua những đóng góp về ý tưởng, vật lực, nhân lực tại các cơ chế điều hành thuộc các định chế khu vực và quốc tế.

Đổi mới tư duy về hội nhập quốc tế và đối ngoại đa phương

Đổi mới tư duy về hội nhập quốc tế

Khi Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra đường lối đổi mới tại Đại hội lần thứ VI, tư duy về hội nhập kinh tế quốc tế vẫn bó hẹp xoay quanh chủ trương mở rộng hợp tác với cả “các nước có chế độ kinh tế - xã hội khác nhau” và “nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại.” Phương châm hành động được xác định tại Đại hội Đảng lần thứ VI (1986) là: “Trong

⁸ Trần Thái Bình, “Một số nội dung cơ bản của Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới,” *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, 10/6/2014, <http://tapchiquotd.vn/vi/quan-triet-thuc-hien-nghi-quyet/mot-so-noi-dung-co-ban-cua-chien-luoc-bao-ve-to-quoctong-tinh-hinh-moi/5731.html>.

những năm tới, nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước ta trên lĩnh vực đối ngoại là ra sức kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại.”⁹

Trong suốt 10 năm đầu đổi mới, cùng với mục tiêu hàng đầu là phá thế bao vây cấm vận và tái hòa nhập vào cộng đồng quốc tế, Việt Nam nỗ lực chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp thành nền kinh tế hàng hóa, nhiều thành phần. Đây là giai đoạn định hình, khởi động cho quá trình hội nhập quốc tế và đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ cho giai đoạn sau. Song, tư tưởng lo ngại đổi mới dẫn đến “đổi màu”, “hòa nhập” (khái niệm được dùng trong thời gian đầu đổi mới) dẫn đến “hòa tan”, vẫn tồn tại dai dẳng dẫn đến những bước thăng trầm, “lưỡng lự”, nhất là trước những diễn biến phức tạp tại Trung Quốc với sự kiện Thiên An Môn năm 1989 và “cách mạng màu” ở một số nước thuộc Liên Xô cũ vào đầu thế kỷ XXI.

Mặc dù vậy, từ những thành tựu to lớn trong đối ngoại và những bước đi vững chắc trong hội nhập kinh tế ở giai đoạn 1986-1996, đồng thời đứng trước sức ép của thời cuộc, không thể có lựa chọn nào khác là tiếp tục đổi mới và tham gia sâu rộng hơn nữa vào đời sống kinh tế quốc tế. Chính vì vậy, một số nghị quyết quan trọng đã được ban hành và nhiều sự kiện đối ngoại lớn đã diễn ra trong giai đoạn từ năm 1996 đến trước Đại hội Đảng lần thứ XI (1/2011). Để tránh nguy cơ “chệch hướng”, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định và dần dần hoàn thiện mục tiêu cùng những nguyên tắc chỉ đạo tiến trình hội nhập quốc tế.

Nghị quyết Trung ương 4 khóa VIII tháng 12/1997 “về tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế, cần kiệm để công nghiệp hóa, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2000” đã xác định hội nhập và hợp tác quốc tế

⁹ Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng.

phải dựa trên cơ sở độc lập tự chủ, nâng cao ý thức tự lực tự cường, giữ vững bản sắc văn hóa, khơi dậy và phát huy tối đa nội lực.¹⁰ Tháng 11/1998, Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Diễn đàn hợp tác châu Á - Thái Bình Dương (APEC), đánh dấu một mốc quan trọng trong quá trình triển khai chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Tháng 12/1998, Ban chấp hành TW khóa VIII ban hành Nghị quyết Trung ương 8 về thực hiện “hội nhập kinh tế khu vực và thế giới vì sự nghiệp phát triển và bảo đảm giữ vững độc lập, tự chủ, lợi ích dân tộc” xác định kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ đối ngoại với nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, đồng thời nhấn mạnh quan hệ với các nước lớn có tầm quan trọng đặc biệt với yêu cầu củng cố an ninh và sự phát triển, cần có chính sách phù hợp với từng nước.¹¹

Điều đáng lưu ý là từ năm 1986 cho đến trước Đại hội Đảng lần thứ IX năm 2001, văn kiện của Đảng chỉ nói đến “quốc tế hóa” kinh tế, chưa đề cập tới “toàn cầu hóa”. Từ Đại hội IX, các văn kiện bắt đầu đề cập đến “toàn cầu hóa kinh tế”. Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng lần thứ IX nhận định: “Khoa học và công nghệ sẽ có bước tiến nhảy vọt. Kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia...” Đồng thời, Báo cáo cũng xác định: “Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ

¹⁰ Nghị quyết số 04-NQ/HNTW ngày 29/12/1997 Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế, cần kiệm để công nghiệp hóa, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2000,” *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-viii/nghi-quyet-so-04-nqhntw-ngay-29121997-hoi-nghi-lan-thu-tu-bch-tw-dang-khoa-viii-ve-tiep-tuc-day-manh-cong-cuoc-doi-moi-phat-676>.

¹¹ Bộ Ngoại giao, Tài liệu nội bộ.

và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường.”¹²

Tháng 11/2001, Bộ Chính trị khóa IX đã ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TW “Về hội nhập kinh tế quốc tế” chỉ rõ cần phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội, đồng thời nhấn mạnh: (i) hội nhập quốc tế là quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh và cạnh tranh, vừa có nhiều cơ hội, vừa phải đối mặt với không ít thách thức; và (ii) cần tỉnh táo, khôn khéo và linh hoạt trong việc xử lý tính hai mặt của hội nhập tùy theo đối tượng, vấn đề, trường hợp, thời điểm cụ thể.¹³ Đại hội Đảng lần thứ X tháng 4/2006 nhận định: “Toàn cầu hóa kinh tế tạo ra cơ hội phát triển nhưng cũng chứa đựng nhiều yếu tố bất bình đẳng, gây khó khăn, thách thức lớn cho các quốc gia, nhất là các nước đang phát triển... Khoa học và công nghệ sẽ có bước tiến nhảy vọt và những đột phá lớn.” Đồng thời, Đại hội tiếp tục khẳng định chủ trương: “Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác”; “Tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực”; và “Đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập vào chiều sâu, ổn định, bền vững.”¹⁴

¹² Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-ix/bao-cao-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-viii-ve-cac-van-kien-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quooc-lan-thu-ix-1546>.

¹³ Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 27/11/2001 của Bộ Chính trị về hội nhập kinh tế quốc tế, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/nghi-quyet-so-07-nqtw-ngay-27112001-cua-bo-chinh-tri-ve-hoi-nhap-kinh-te-quooc-te-2105>.

¹⁴ Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, 24/9/2015, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-x/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-ix-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quooc-lan-thu-x-cua-dang-1537>.

Tháng 1/2007, Việt Nam chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Tháng 2/2007, Ban Chấp hành Trung ương khóa X ban hành Nghị quyết số 08 “về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới”. Đại hội Đảng lần thứ XI tháng 1/2011 đã ghi dấu ấn bước hoàn thiện cuối cùng của quá trình đổi mới tư duy về hội nhập, chuyển từ “hội nhập kinh tế quốc tế” thành “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”. Như vậy hội nhập quốc tế không còn bó hẹp trong lĩnh vực kinh tế mà mở rộng sang tất cả các lĩnh vực khác.¹⁵

Tháng 4/2013, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 22-NQ/TW về hội nhập quốc tế nhằm thống nhất nhận thức về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Nghị quyết xác định rõ mục tiêu, các quan điểm chỉ đạo và những định hướng chủ yếu của hội nhập quốc tế.¹⁶ So với các Nghị quyết trước đó, nhất là Nghị quyết 07 khóa IX và Nghị quyết 08 khóa X về hội nhập kinh tế quốc tế và việc chuẩn bị gia nhập WTO, Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị mang tính tổng thể về hội nhập toàn diện, xác định rõ hơn mối quan hệ và thứ tự ưu tiên giữa các lĩnh vực hội nhập. “Hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế...”; “hội nhập trong các lĩnh vực phải được thực hiện đồng bộ trong một chiến lược hội nhập quốc tế tổng thể với lộ trình, bước đi phù hợp với điều kiện thực tế và năng lực của đất nước.” “Xây dựng và triển khai chiến lược hội nhập quốc tế phòng, an

¹⁵ Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, 24/9/2015, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xi/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-x-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quooc-lan-thu-xi-cua-dang-1526>.

¹⁶ Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế, *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/nghi-quyet-so-22-nqtw-ngay-1042013-cua-bo-chinh-tri-ve-hoi-nhap-quooc-te-264>.

ninh phù hợp với tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm an ninh quốc gia...”. Đồng thời chú trọng hơn đến việc phân cấp thẩm quyền của các cấp các ngành trong công tác hội nhập. “Hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân và của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước”; coi trọng hơn vấn đề nghiên cứu, dự báo; đề cập rõ hơn về yêu cầu Việt Nam phải chủ động, tích cực trong việc tham gia xây dựng các luật chơi chung khi hội nhập quốc tế. Với tầm quan trọng ngày càng tăng, hội nhập quốc tế cũng đã được thể chế hóa trong Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam.

Đổi mới tư duy về đối ngoại đa phương

Về thực chất, tư duy về hội nhập quốc tế về cơ bản tương đồng với tư duy về đối ngoại đa phương, theo đó hội nhập quốc tế là đối tượng, còn đối ngoại đa phương là một trong những phương tiện thực hiện. Thậm chí, đối ngoại đa phương được đổi mới trước hội nhập quốc tế, để cùng đối ngoại song phương phá thế bao vây, cô lập và cấm vận trong những năm cuối 1980, đầu 1990.

Ngày 20/9/1977, Việt Nam chính thức gia nhập Liên hợp quốc (LHQ). Trong gần 50 năm qua, quan hệ của Việt Nam với các tổ chức quốc tế đã trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm khác nhau. Kể từ khi tiến hành công cuộc đổi mới, Việt Nam ngày càng nhận thức rõ vai trò trọng tâm của LHQ với ba trụ cột hoạt động là hòa bình, an ninh, phát triển và quyền con người, cũng như tầm quan trọng của các tổ chức chuyên môn hay bên cạnh LHQ trong lĩnh vực phát triển, kinh tế, văn hóa và xã hội. Với tư duy đối ngoại đổi mới chủ động tích cực hội nhập sâu rộng, Việt Nam đã dần dần tham gia và có nhiều đóng góp trên cả ba trụ cột nêu trên. Điểm nổi bật nhất là Việt Nam đã đảm nhiệm thành công và có những đóng góp nổi bật trong hai nhiệm kỳ là ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an LHQ (2008-2009 và 2020-2021).

Sau khi Việt Nam tham gia ASEAN năm 1995, tổ chức này dần dần trở thành một trong những trọng tâm của chính sách đối ngoại của Việt Nam. Đại hội Đảng lần thứ XI chỉ rõ: Việt Nam là một “thành viên chủ động, tích cực, có trách nhiệm” theo đuổi mục tiêu “xây dựng thành công Cộng đồng ASEAN”. Đại hội Đảng lần thứ XII nhấn mạnh thêm “Chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng các nước ASEAN xây dựng Cộng đồng vững mạnh.”

Tổng kết 30 năm đổi mới, Đại hội Đảng lần thứ XII tháng 1/2016 đã chỉ rõ định hướng về công tác đối ngoại đa phương là chủ động tham gia và phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN và Liên hợp quốc. Chủ động, tích cực tham gia các cơ chế đa phương về quốc phòng, an ninh, trong đó có việc tham gia các hoạt động hợp tác ở mức cao hơn như hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc, diễn tập về an ninh phi truyền thống và các hoạt động khác. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo và các lĩnh vực khác.”¹⁷

Ngày 5/11/2016, Ban chấp hành Trung ương khóa XII đã ban hành Nghị quyết 06 “về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.”¹⁸ Nghị quyết này là bước chuẩn bị quan trọng cho việc Ban Bí thư ban hành *Chỉ thị 25-CT/TW về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030* ngày 8/8/2018. Đây là văn bản chỉ đạo đầu tiên của Đảng về đối ngoại đa

¹⁷ Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, 31/3/2016, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xii/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xi-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quooc-lan-thu-xii-cua-dang-1600>.

¹⁸ Nghị quyết số 06/NQ-TW khóa XII về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, *Công thông tin Bộ Tài chính*, 7/11/2016, https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/1/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM091568.

phương, “mang tính đột phá đưa đối ngoại đa phương thành một nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị,” góp phần thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mục tiêu cho công tác đối ngoại đa phương thời gian tới là “nỗ lực vươn lên đóng vai trò nòng cốt, dẫn dắt hoặc hòa giải tại các diễn đàn, tổ chức đa phương có tầm quan trọng chiến lược đối với đất nước,” phù hợp với khả năng và điều kiện cụ thể của Việt Nam, góp phần nâng cao vị thế, tạo điều kiện cho Việt Nam có thể lồng ghép các ưu tiên, thúc đẩy những lợi ích của đất nước.¹⁹ Đối ngoại đa phương trong lĩnh vực kinh tế là trọng tâm ưu tiên để gia tăng sức mạnh tổng hợp của quốc gia. Đối ngoại đa phương trong lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh nhằm mục tiêu giữ vững môi trường hòa bình, ổn định của quốc gia và khu vực. Nâng cao chất lượng đối ngoại đa phương trong các lĩnh vực xã hội, môi trường, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, văn hóa, y tế và các lĩnh vực khác. Việt Nam cần nỗ lực vươn lên để đóng góp vai trò nòng cốt, dẫn dắt, hòa giải tại các diễn đàn, tổ chức đa phương có tầm quan trọng chiến lược đối với đất nước, phù hợp với khả năng và điều kiện cụ thể.

Đặc trưng nổi bật trong đối ngoại đa phương của Việt Nam là kết hợp đồng bộ giữa ngoại giao Nhà nước với đối ngoại Quốc hội, đối ngoại Đảng và đối ngoại nhân dân. Đối ngoại đa phương, cùng với đối ngoại song phương là hai phương thức chủ yếu triển khai hội nhập quốc tế và đồng thời định hướng, tham gia vào quá trình tạo ra khuôn khổ cho hội nhập quốc tế. Khuôn khổ ở đây hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm chế định, luật lệ và nhân lực. Hội nhập thúc đẩy đối ngoại đa phương và ngược lại, đối ngoại đa phương làm cho hội nhập đi đúng hướng, chuyển

¹⁹ Lê Hoài Trung, “Đối ngoại đa phương góp phần đẩy mạnh hội nhập quốc tế, tăng cường sức mạnh tổng hợp của đất nước,” *Tạp chí Tuyên giáo*, 8/2/2019, <https://tuyengiao.vn/doi-ngoai-da-phuong-gop-phan-day-manh-hoi-nhap-quoc-te-tang-cuong-suc-manh-tong-hop-cua-dat-nuoc-124551>.

từ bề rộng sang chiều sâu, nâng cao hiệu quả, phát huy lợi thế so sánh, tăng cường lợi ích quốc gia - dân tộc và nâng cao vị thế của quốc gia.

Hội nhập chính là nội hàm của quan hệ quốc tế hiện nay và bao gồm nhiều nội dung khác nhau. Kể từ khi đổi mới, Việt Nam đã thực hiện được những bước tiến quan trọng mang tính bản lề về tư duy hội nhập quốc tế, từ chỗ hội nhập mang tính “tình thế” sang bước đầu “chủ động” tham gia, rồi hội nhập “có trách nhiệm và tích cực” trong tất cả các lĩnh vực. Việt Nam đã chấp nhận hội nhập kinh tế từ gần 40 năm nay, coi nhập kinh tế là trọng tâm. Đồng thời, Việt Nam cũng nhận thức ngày càng rõ hơn về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; song vẫn còn lẩn cẩn trong suy nghĩ và hành động liên quan đến không ít vấn đề gắn liền với kinh tế thị trường ở thời kỳ toàn cầu hóa và kinh tế tri thức, kinh tế số. Phải chăng đó là do chưa nhận thức đầy đủ về quan hệ giữa kinh tế và quản lý nhà nước, giữa kinh tế và văn hóa, giữa kinh tế và giáo dục, đào tạo, khoa học, kỹ thuật, cũng như giữa kinh tế và thông tin, truyền thông?

Đổi mới tư duy về lợi ích quốc gia - dân tộc

Theo tác giả, lợi ích quốc gia - dân tộc có thể định nghĩa là *một tổng thể những mục tiêu, tham vọng hàng đầu, những điều kiện sẵn có và cần có của một quốc gia được thể hiện trong mọi lĩnh vực như lãnh thổ, chủ quyền và an ninh, chính trị và đối ngoại, kinh tế, văn hóa và giáo dục, khoa học, kỹ thuật, truyền thông và vai trò, vị thế của quốc gia*. Lợi ích dân tộc gắn liền với sứ mệnh quốc gia. Đường lối, chính sách đối ngoại của các nước được hoạch định đều dựa trên việc đảm bảo lợi ích quốc gia - dân tộc. Lãnh thổ, chủ quyền, an ninh quốc gia là những nội dung cốt lõi của lợi ích quốc gia - dân tộc, tiếp đó là các lợi ích khác như kinh tế, xã hội, văn hóa...

Lợi ích quốc gia - dân tộc là sợi chỉ đỏ xuyên suốt, định hướng tư duy đối ngoại của Việt Nam từ năm 1945 đến nay, nhưng nội hàm của nó, nhất là thứ tự ưu tiên giữa các lợi ích cấu thành luôn được nhìn nhận và xác định lại để thích ứng với từng giai đoạn lịch sử. Khi Cách mạng Tháng Tám sắp nổ ra, giành độc lập là ưu tiên số một, rồi đến bảo vệ chính quyền non trẻ và tìm kiếm sự công nhận quốc tế. Trong suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, các quyền dân tộc cơ bản như độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ vừa là mục tiêu theo đuổi, vừa là phương châm hành động của cả dân tộc Việt Nam. Có những giai đoạn nhất định trong lịch sử, do nhiều nguyên nhân khác nhau, bị nhìn nhận thiên về lăng kính đấu tranh đối kháng bạn - thù hơn là hợp tác cùng có lợi. Nhưng rất may là mọi thái quá trong tư duy và hành động về lợi ích quốc gia - dân tộc luôn được nhận thức lại kịp thời. Bảo vệ lợi ích dân tộc bằng sức mạnh tổng hợp và bằng tư duy, trí tuệ sáng tạo luôn là phương châm nhất quán của Việt Nam.

Đổi mới tư duy về lợi ích quốc gia - dân tộc trong gần 40 năm qua thể hiện rất rõ phương châm hành động “dĩ bất biến ứng vạn biến”, luôn gắn Việt Nam với khu vực, với thế giới và kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Nghị quyết số 13 của Bộ Chính trị khóa VI tháng 5/1988 đã khẳng định: “Lợi ích cao nhất của Đảng và nhân dân ta là phải củng cố và giữ vững hòa bình để tập trung sức xây dựng và phát triển kinh tế.”²⁰ Gia nhập ASEAN, bình thường hóa với Mỹ, có quan hệ với tất cả các nước lớn, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ năm 1995 đều xuất phát từ lợi ích quốc gia - dân tộc, dỡ bỏ được tình thế bị bao

²⁰ Nguyễn Mạnh Hùng, “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển,” *Tạp chí Cộng sản*, 9/2006, dẫn từ *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, 30/9/2015, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/gioi-thieu-van-kien-dang/thuc-hien-nhat-quan-duong-loi-doi-ngoai-doc-lap-tu-chu-hoa-binh-hop-tac-va-phat-trien-911>.

vây, cấm vận và khắc phục được những hẫng hụt cả về vật chất và tâm lý khi chủ nghĩa xã hội rơi vào thoái trào.

Khái niệm “lợi ích quốc gia - dân tộc” đã được sử dụng trong Nghị quyết Trung ương 8, khóa IX tháng 7/2003 và “bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc” được xác định là một trong những mục tiêu then chốt của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nội hàm lợi ích quốc gia - dân tộc không ngừng được hoàn thiện và phù hợp với từng giai đoạn. Đại hội XI của Đảng khẳng định bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc là “mục tiêu đối ngoại”, là nguyên tắc chỉ đạo mọi hoạt động đối ngoại, trên cơ sở “giữ vững độc lập, tự chủ, vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.”²¹

Trong Văn kiện Đại hội XII, lợi ích quốc gia - dân tộc được đề cập rõ hơn và ở mức cao nhất và được xác định như là một trong những nhiệm vụ của đối ngoại: “bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi.”²² Báo cáo chính trị tại Đại hội XIII nhấn mạnh, quan điểm chỉ đạo là “bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi”; “kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất.”²³ Quan điểm này phù hợp với nguyên tắc “ba loại lợi

²¹ Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng.

²² Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII* (Hà Nội, Nxb. Chính trị quốc gia 2016), 153.

²³ Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, 23/3/2021, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xiii/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xii-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quooc-lan-thu-xiii-cua-3734>.

ích” cấu thành lợi ích trong quan hệ quốc tế hiện nay. Tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi có nghĩa là bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc của nước mình - dù là của nước lớn nhưng làm phương hại đến lợi ích của các nước khác hay lợi ích chung của cộng đồng đều bị lên án và không thể chấp nhận được. Để bảo đảm tốt lợi ích quốc gia - dân tộc, cần thấy rõ tính hai mặt vừa hợp tác vừa đấu tranh trong quan hệ với cả đối tác và đối tượng. Vấn đề là cần xác định đúng những nội dung cụ thể nào cần hợp tác hay đấu tranh và đấu tranh hay hợp tác như thế nào? Sau gần 40 năm đổi mới và hội nhập quốc tế toàn diện, Việt Nam đã khẳng định nguyên tắc tối thượng trong quan hệ quốc tế là lợi ích quốc gia - dân tộc và mục tiêu của đối ngoại là góp phần đảm bảo an ninh, phục vụ sự nghiệp phát triển và nâng cao vị thế đất nước, đồng thời xác định các ưu tiên chiến lược trong đối ngoại. Song, đó là những định hướng chiến lược ở cấp vĩ mô quốc gia. Việt Nam chưa xác định nội hàm lợi ích quốc gia - dân tộc trong từng ngành, từng lĩnh vực. Muốn có tiêu chí đánh giá hiệu quả của hội nhập, cần phải biết trong từng lĩnh vực cụ thể cái gì thì kiên quyết giữ, cái gì có thể đem ra mà cả và cái gì có thể nhượng bộ.

Lợi ích quốc gia - dân tộc luôn là một trong những vấn đề sống còn trong QHQT với một nội hàm rất rộng, đồng thời không phải là bất biến mà thay đổi theo hoàn cảnh cụ thể. Xác định đúng nội hàm của lợi ích quốc gia - dân tộc ở từng giai đoạn đòi hỏi phải nhận thức đúng xu thế phát triển của thế giới, cách tiếp cận các vấn đề toàn cầu và lợi ích của các chủ thể khác, nhất là của các nước lớn, các nước láng giềng và khu vực. Đối với Việt Nam hiện nay, lợi ích quốc gia - dân tộc vừa là mục tiêu, nguyên tắc và phương hành động. Giữ vững và bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc dựa trên cơ sở các nguyên tắc của luật pháp quốc tế và cùng có lợi sẽ tạo tiền đề cho tạo dựng lòng tin, đưa quan hệ đi vào chiều sâu, gia tăng mức độ đan xen lợi ích mọi mặt giữa Việt Nam với các đối

tác; nâng cao chất lượng và mức độ hiệu quả của các cơ chế hợp tác song phương cũng như đa phương giữa Việt Nam với các đối tác.

Đổi mới tư duy về quốc phòng, an ninh

Trong suốt hai cuộc chiến tranh giành độc lập dân tộc cho đến cuối thập niên 1980, xuất phát từ tư duy “bạn - thù”, quan niệm khá cứng nhắc về quốc phòng, an ninh và do nhu cầu phòng vệ chống lại các hành động thù địch xâm phạm biên giới lãnh thổ, Việt Nam phải duy trì một lực lượng vũ trang sẵn sàng chiến đấu, vượt quá tiềm lực quốc gia. Cũng trong thời gian đó, Việt Nam xác định quan hệ với Liên Xô là “hòn đá tảng”, Mỹ là kẻ thù “lâu dài”, Trung Quốc là kẻ thù “trực tiếp”. Hệ quả là đất nước phải đối mặt với một thực tế đầy khó khăn thách thức. Chiến lược đổi mới toàn diện do Đảng chủ xướng đòi hỏi phải đổi mới cả tư duy về quốc phòng, an ninh gắn liền với đổi mới tư duy về đối ngoại và với chiến lược phát triển kinh tế nhiều thành phần. Nếu đổi mới tư duy về đối ngoại là một quá trình diễn ra không tron tru, thì con đường đổi mới tư duy về quốc phòng, an ninh lại càng không bằng phẳng, trước hết đòi hỏi một sự đồng thuận, nhất trí cao, nhất là một nhận thức toàn diện về các mối quan hệ liên quan giữa cắt giảm số lượng và tăng chất lượng các lực lượng vũ trang, giữa phòng vệ và phát triển, giữa an ninh và kinh tế.

Nghị quyết 32 của Bộ chính trị khóa V tháng 7/1986 mở đầu cho quá trình này với chủ trương “chuyển từ đối đầu sang đối thoại”, “tập trung xây dựng kinh tế”, mở ra cục diện đấu tranh mới, chủ động chuyển sang thời kỳ cùng tồn tại hòa bình trong khu vực. Bắt đầu từ đây, nhận thức về an ninh có những chuyển biến, tiếp cận an ninh đa diện theo hướng an ninh không chỉ có đe dọa quân sự từ bên ngoài, an ninh không chỉ là quân sự, bước đầu gắn an ninh quốc gia với an ninh quốc tế. Nghị quyết 13 khóa VI tháng 5/1988, một bước ngoặt thực sự về tư duy đổi mới về quốc phòng, an ninh, đã khẳng định “cần có quan điểm mới về an

ninh và phát triển”, “ưu tiên cho giữ vững hòa bình và phát triển kinh tế”; từng bước “giảm quân số và từng bước giảm chi phí quốc phòng...” vừa để dồn sức cho phát triển kinh tế, vừa thể hiện mạnh mẽ với khu vực, thế giới quyết tâm tìm giải pháp cho vấn đề Cam-pu-chia. Cùng với đó, Việt Nam chủ trương “thêm bạn, bớt thù”, chuyển từ đối đầu sang “đấu tranh và hợp tác cùng tồn tại hòa bình.”²⁴

Về mối quan hệ giữa kinh tế với quốc phòng an ninh, quan điểm kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh được ghi trong Cương lĩnh 1991 đã được Đại hội VIII xây dựng thành tư tưởng chỉ đạo trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và được cụ thể hóa trong Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 1996-2000: “Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, an ninh; nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực vừa phục vụ phát triển kinh tế, vừa phục vụ quốc phòng, an ninh.”²⁵ Đến Đại hội X, chủ trương kết hợp kinh tế với quốc phòng lần đầu tiên được cụ thể hóa hơn với việc xây dựng các khu công nghiệp quốc phòng trong hệ thống công nghiệp quốc gia dưới sự chỉ đạo quản lý, điều hành trực tiếp của Chính phủ, “đầu tư có chọn lọc theo hướng hiện đại, vừa phục vụ quốc phòng, vừa phục vụ dân sinh.”²⁶ Đến năm 2001, Đại hội Đảng lần thứ IX, quan niệm về quốc phòng, an ninh được thể hiện đầy đủ tổng hợp hơn. Xây dựng và bảo vệ phải được đặt trong quan hệ hữu cơ, biện chứng. Đó là một nền quốc phòng, an ninh tổng hợp, toàn diện cả về chính trị, quân sự, đối ngoại, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX về “Phương hướng chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới” tháng 8/2003 xác định sáu mục tiêu

²⁴ Nguyễn Mạnh Hùng, “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển.”

²⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII* (Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 1996): 169.

²⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X* (Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2006): 110.

của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc: (i) bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; (ii) bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; (iii) bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; (iv) bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc; (v) bảo vệ an ninh chính trị, trật tự xã hội và nền văn hóa; và (vi) giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới” nhấn mạnh: giữ vững môi trường hòa bình và ổn định cho sự nghiệp phát triển của đất nước, gia tăng tốc độ đan xen lợi ích với mọi đối tác, nhất là với các nước láng giềng, với các đối tác quan trọng, nâng cao vị thế của Việt Nam, giải quyết cơ bản các vấn đề biên giới trên bộ, chủ động giải quyết có kết quả những vấn đề trên biển với các nước láng giềng.

Đại hội XII của Đảng tháng 1/2016 đã tổng kết 30 năm đổi mới, rút ra nhiều bài học quý báu và có liên quan đến cả quốc phòng, an ninh. Về phương hướng, nhiệm vụ đối với quốc phòng, an ninh, Nghị quyết Đại hội xác định rõ: “Chủ động, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bằng các biện pháp phù hợp, bảo vệ được chủ quyền, biển, đảo, vùng trời và giữ được hòa bình, ổn định để phát triển đất nước”... “Có kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm và triệt tiêu các nhân tố bất lợi, nhất là các nhân tố bên trong có thể gây ra đột biến.”²⁷

Đại hội XIII của Đảng tháng 1/2021 tiếp tục khẳng định nội hàm của lợi ích quốc gia - dân tộc đã được xác định tại các kỳ Đại hội trước, đồng thời bổ sung nội dung bảo đảm an ninh con người, an ninh kinh tế,

²⁷ Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xii/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xi-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quooc-lan-thu-xii-cua-dang-1600>, truy cập 2/8/2024.

an ninh mạng, xã hội trật tự, kỷ cương cũng là những lợi ích quan trọng của quốc gia, dân tộc. “Các thành tố nói trên có quan hệ chặt chẽ, tương hỗ và thống nhất với nhau, không thể coi nhẹ thành tố nào, đồng thời là căn cứ quan trọng nhất để xác định đối tác - đối tượng, hợp tác - đấu tranh trong đối ngoại, là bất biến để ứng phó với tình hình diễn biến nhanh, phức tạp.”²⁸ Lần đầu tiên Đảng xác định rõ vị trí, vai trò tiên phong của đối ngoại trong “tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, huy động các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao vị thế và uy tín của đất nước”. “Giữ vững hòa bình, ổn định là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên; phục vụ phát triển đất nước là nhiệm vụ trung tâm; nâng cao vị thế và uy tín đất nước là nhiệm vụ quan trọng.”²⁹

“Bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa” là sự kế thừa về mặt tư duy của kế sách giữ nước bằng giữ hòa khí, nhân nhượng để tránh nạn binh đao của ông cha ta trong bối cảnh quốc tế mới của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và tùy thuộc lẫn nhau. Đây vừa là quan điểm chỉ đạo của Đảng cần quán triệt và cụ thể hóa, vừa là chiến lược, vừa là phương châm hành động của cả hệ thống chính trị, trước hết là của quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

Kết luận

Đổi mới tư duy về đối ngoại là một quá trình gian truân vất vả và diễn ra liên tục vì hiện thực khách quan trên phạm vi thế giới luôn biến đổi không ngừng, nhất là trong thời kỳ hội nhập và tùy thuộc lẫn nhau. Đổi mới tư duy của Đảng là xuất phát điểm, khơi nguồn cho đổi mới tư

²⁸ Bùi Thanh Sơn, “Đường lối đối ngoại Đại hội Đảng XIII kế thừa, phát triển và hoàn thiện đường lối đối ngoại thời kỳ đổi mới,” *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, 29/11/2021, <https://dangcongsan.vn/thoi-su/duong-loi-doi-ngoai-dai-hoi-dang-xiii-ke-thua-phat-trien-va-hoan-thien-duong-loi-doi-ngoai-thoi-ky-doi-moi-598434.html>.

²⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (Hà Nội, Nxb. Chính trị quốc gia, 2021).

duy trong từng lĩnh vực, trong khi đó đổi mới tư duy về đối ngoại góp phần tạo tiền đề cho đổi mới tư duy trong các lĩnh vực khác, nhất là đổi mới tư duy về quan hệ giữa phát triển, quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Khi hòa bình, hợp tác và phát triển là xu thế lớn trong QHQT và tương quan lực lượng giữa các nước lớn thay đổi, triển khai chiến lược “bảo vệ tổ quốc từ sớm, từ xa” không thể thiếu được vai trò đi đầu của đối ngoại, trong đó có đối ngoại quốc phòng, đối ngoại an ninh; đồng thời hội nhập quốc tế chỉ thực sự hiệu quả khi Việt Nam phát huy được vai trò thành viên “tích cực, trách nhiệm” cũng như đối tác tin cậy của cộng đồng quốc tế. Đổi mới tư duy về đối ngoại trong thời kỳ toàn cầu hóa cần khẩn trương, liên tục, nhưng không thể là duy ý chí, mà phải xuất phát từ hiện thực khách quan và trong những công việc thực tiễn của ngành ngoại giao. Đó là nghiên cứu và dự báo chính xác các chiều hướng phát triển của thế giới, đánh giá đúng những tác động đến Việt Nam và kiến nghị kịp thời, triển khai nhanh chóng các đối sách. Sau gần 40 năm đổi mới, Việt Nam đã hội tụ đủ điều kiện để bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc với bản lĩnh của người Việt Nam, tự tin vào bản thân, sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống vì lợi ích quốc gia - dân tộc và vì trách nhiệm với cộng đồng quốc tế./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương. *Tài liệu học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2003.
2. Bộ Ngoại giao. *Ngoại giao Việt Nam 1945-2000*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2002.
3. Bộ Ngoại giao. *Ngoại giao Việt Nam 2001-2015*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2019.

4. Bùi Thanh Sơn. “Đường lối đối ngoại Đại hội Đảng XIII kế thừa, phát triển và hoàn thiện đường lối đối ngoại thời kỳ đổi mới”. *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, 29/11/2021. <https://dangcongsan.vn/thoi-su/duong-loi-doi-ngoai-dai-hoi-dang-xiii-ke-thua-phat-trien-va-hoan-thien-duong-loi-doi-ngoai-thoi-ky-doi-moi-598434.html>.
5. Dương Văn Quảng, Nguyễn Thị Hạnh, Đỗ Đức Thành, Nguyễn Hoàng Như Thanh. *Ngoại giao: Lý luận và thực tiễn*. Hà Nội: Nxb. Thế giới, 2021.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 1996.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Hà Nội, Nxb. Chính trị quốc gia 2001.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2006.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2011.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2016.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2021.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng Toàn tập*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia, 2000.
13. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2011.
14. Lê Hoài Trung. “Đối ngoại đa phương góp phần đẩy mạnh hội nhập quốc tế, tăng cường sức mạnh tổng hợp của đất nước,” *Tap chí Tuyên giáo*, 8/2/2019, <https://tuyengiao.vn/doi-ngoai-da-phuong-gop-phan-day-manh-hoi-nhap-quoc-te-tang-cuong-suc-manh-tong-hop-cua-dat-nuoc-124551>.
15. Nghị quyết số 06/NQ-TW khóa XII về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, *Công thông tin Bộ Tài chính*, 7/11/2016, https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvestc/pages_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM091568.
16. Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế.” *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/nghi-quyet-so-22-nqtw-ngay-1042013-cua-bo-chinh-tri-ve-hoi-nhap-quoc-te-264>.
17. Nguyễn Mạnh Hùng. “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển.” *Tap chí Cộng sản* tháng 9/2006, dẫn từ Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, 30/9/2015. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/gioi-thieu-van-kien-dang/thuc-hien-nhat-quan-duong-loi-doi-ngoai-doc-lap-tu-chu-hoa-binh-hop-tac-va-phat-trien-911>.
18. Trần Thái Bình. “Một số nội dung cơ bản của Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.” *Tap chí Quốc phòng toàn dân*, 10/6/2014, <http://tapchiquptd.vn/vi/quan-triet-thuc-hien-nghi-quyet/mot-so-noi-dung-co-ban-cua-chien-luoc-bao-ve-to-quoc-trong-tinh-hinh-moi/5731.html>.